

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN  
TIỀN PHONG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 27

11/2024

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thành viên (thôi nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2017)
Ông Noboru Kobayashi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2017)
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Quốc Trường**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 06 tháng 3 năm 2018



Số: 503 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2018-001-1  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 06 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Hoàng Lan Hương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.302.419.973.083</b>	<b>1.924.007.771.544</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>124.508.048.251</b>	<b>109.949.992.376</b>
1. Tiền	111		97.508.048.251	88.949.992.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	21.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.293.192.424.218</b>	<b>1.080.153.772.818</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.132.041.703.224	1.012.918.824.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		155.682.083.418	65.907.296.301
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.461.572.866	15.461.572.866
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.395.005.268	5.551.580.750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(19.387.940.558)	(19.685.502.066)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>852.974.374.152</b>	<b>716.906.126.429</b>
1. Hàng tồn kho	141		864.581.501.453	722.255.123.221
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.607.127.301)	(5.348.996.792)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.745.126.462</b>	<b>16.997.879.921</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	15.801.529.236	16.160.138.276
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.483.221.352	277.779.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	5.460.375.874	559.961.942
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.959.300.911.318</b>	<b>1.495.699.724.641</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.315.384.055.673</b>	<b>1.115.091.896.123</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.276.794.538.059	1.072.128.458.290
- Nguyên giá	222		2.242.192.412.106	1.825.251.911.690
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(965.397.874.047)	(753.123.453.400)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	38.589.517.614	42.963.437.833
- Nguyên giá	228		49.435.906.053	49.371.495.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.846.388.439)	(6.408.057.311)
<b>II. Tài sản dài hạn dở dang</b>	<b>240</b>		<b>191.781.018.464</b>	<b>215.146.899.641</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	191.781.018.464	215.146.899.641
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>443.992.756.732</b>	<b>145.969.241.369</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	241.895.688.132	145.804.241.369
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	203.432.068.600	1.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.143.080.449</b>	<b>19.491.687.508</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.143.080.449	19.491.687.508
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.261.720.884.401</b>	<b>3.419.707.496.185</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.175.715.167.768</b>	<b>1.586.272.393.428</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.932.727.830.711</b>	<b>1.399.002.982.324</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	269.939.060.091	147.852.073.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.836.473.847	1.724.145.838
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	9.310.580.274	46.552.914.696
4. Phải trả người lao động	314		47.647.861.600	65.275.007.414
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	113.505.433.496	105.454.849.655
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.695.865.731	37.325.508.642
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.455.610.252.041	994.091.869.202
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.182.303.631	726.612.904
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>242.987.337.057</b>	<b>187.269.411.104</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	237.987.337.057	174.269.411.104
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.000.000.000	13.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.086.005.716.633</b>	<b>1.833.435.102.757</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>2.085.365.716.633</b>	<b>1.832.795.102.757</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		892.403.020.000	743.673.070.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		732.244.784.945	722.568.011.805
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		460.717.911.688	366.554.020.952
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.600.157.126	46.595.497.222
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		414.117.754.562	319.958.523.730
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>640.000.000</b>	<b>640.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		640.000.000	640.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4.261.720.884.401</b>	<b>3.419.707.496.185</b>

  
Lưu Thị Mai  
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

  
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>4.443.654.366.817</b>	<b>4.365.542.818.334</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	13.522.817.199	11.379.763.317
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>4.430.131.549.618</b>	<b>4.354.163.055.017</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	23	2.957.522.656.826	2.784.214.064.693
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.472.608.892.792</b>	<b>1.569.948.990.324</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.464.646.492	2.389.306.989
7. Chi phí tài chính	22	25	76.655.094.764	55.727.234.061
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		75.894.178.185	54.808.958.942
8. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	24		109.389.221.763	7.616.268.824
9. Chi phí bán hàng	25	26	779.346.980.968	877.567.271.991
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	181.748.344.124	193.387.465.095
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>546.712.341.191</b>	<b>453.272.594.990</b>
12. Thu nhập khác	31		11.454.484.100	1.069.776.637
13. Chi phí khác	32		1.181.508.000	7.006.070.515
<b>14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>10.272.976.100</b>	<b>(5.936.293.878)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>556.985.317.291</b>	<b>447.336.301.112</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	64.450.029.482	49.762.725.006
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>492.535.287.809</b>	<b>397.573.576.106</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>5.519</b>	<b>4.160</b>

  
Lưu Thị Mai  
Người lập biểu

  
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>556.985.317.291</b>	<b>447.336.301.112</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	222.093.231.056	204.079.917.231
Các khoản dự phòng	03	5.960.569.001	1.915.626.262
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(111.489.852.210)	(8.165.732.077)
Chi phí lãi vay	06	75.894.178.185	54.808.958.942
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>749.443.443.323</b>	<b>699.975.071.470</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(168.139.628.290)	(277.055.790.394)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(142.326.378.232)	24.395.927.234
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.526.193.295	39.784.568.881
Thay đổi chi phí trả trước	12	11.707.216.099	55.759.189.312
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.304.371.907)	(28.262.646.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(78.432.006.949)	(59.973.138.593)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.281.223.205)	(19.508.472.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>323.193.244.134</b>	<b>435.114.708.971</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(429.065.691.705)	(327.575.230.553)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	18.181.818	61.132.800
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(46.784.068.600)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.247.516.085	1.761.182.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(623.584.062.402)</b>	<b>(325.652.915.520)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.299.502.292.014	2.625.226.308.867
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.776.325.657.870)	(2.598.395.653.051)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(208.227.760.001)	(266.483.698.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>314.948.874.143</b>	<b>(239.653.042.184)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	14.558.055.875	(130.191.248.733)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	109.949.992.376	240.141.241.109
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	124.508.048.251	109.949.992.376

  
**Lưu Thị Mai**  
 Người lập biểu

  
**Trần Ngọc Bảo**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Quốc Trường**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NTP.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.299 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.215 người).

**Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, xây nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, xây dựng trung tâm thương mại, xây dựng chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng xảy ra trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngày 17 tháng 6 năm 2017, Công ty đã nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ thêm 148.729.950.000 VND thông qua phát hành thêm cổ phiếu phổ thông từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi tương ứng ngày 23 tháng 6 năm 2017.

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Tỉnh Nghệ An	100	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong	Thành phố Hải Phòng	100	100	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 03 công ty liên doanh, liên kết như sau:

<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Tỉnh Bình Dương	27,39	27,39	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Thành phố Hải Phòng	49,98	49,98	Sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và sản phẩm nhựa khác
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	Thành phố Viêng Chăn - Lào	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng và các sản phẩm nhựa khác

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, ngoại trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và bản quyền công nghệ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao giá trị quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 45 năm.

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 5 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và lợi thế vị trí địa lý. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	213.942.180	90.412.876
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.294.106.071	88.859.579.500
Các khoản tương đương tiền	27.000.000.000	21.000.000.000
	<b>124.508.048.251</b>	<b>109.949.992.376</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	151.490.561.092	172.856.152.840
Công ty TNHH Thương mại Thái Hoà	209.789.483.084	178.993.246.384
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	14.013.591.342	12.841.601.009
Công ty TNHH Tam Phước	229.107.030.088	183.569.625.716
Các đối tượng khác	28.064.309.956	17.554.270.313
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	361.995.295.441	326.248.971.780
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	137.581.432.221	120.854.956.925
	<b>1.132.041.703.224</b>	<b>1.012.918.824.967</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	164.354.692	166.659.092
Tạm ứng cho công nhân viên	1.144.684.821	1.136.432.300
Ký quỹ ngắn hạn	1.674.000.000	848.000.000
Phải thu khác	6.411.965.755	3.400.489.358
	<b>9.395.005.268</b>	<b>5.551.580.750</b>

**7. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn trên 3 năm	19.387.940.558	-	19.685.502.066	-
<i>Công ty TNHH Hương Minh</i>	4.478.393.135	-	4.478.393.135	-
<i>Công ty TNHH TMKD Nhà Bình Trưng</i>	3.809.318.071	-	3.809.318.071	-
<i>Đối tượng khác</i>	11.100.229.352	-	11.397.790.860	-
	<b>19.387.940.558</b>	<b>-</b>	<b>19.685.502.066</b>	<b>-</b>



**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	176.312.440.999	-	114.189.768.261	-
Nguyên liệu, vật liệu	406.286.243.168	(11.477.999.010)	434.341.787.894	(5.219.868.501)
Công cụ, dụng cụ	9.109.919.368	-	4.597.771.852	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.837.734.800	-	54.208.187.463	-
Thành phẩm	165.035.163.118	(129.128.291)	114.917.607.751	(129.128.291)
	<b>864.581.501.453</b>	<b>(11.607.127.301)</b>	<b>722.255.123.221</b>	<b>(5.348.996.792)</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 773.755 triệu VND để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 686.912 triệu VND).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.801.529.236	16.160.138.276
	<b>15.801.529.236</b>	<b>16.160.138.276</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.085.442.730	4.650.414.522
Lợi thế vị trí địa lý của Công ty TNHH Thương mại Nhựa Năm sao	-	10.766.000.010
Chi phí khác	6.057.637.719	4.075.272.976
	<b>8.143.080.449</b>	<b>19.491.687.508</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/ phải nộp	Số đã khấu trừ/ thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Tiền thuê đất	-	896.431.000	896.431.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.994.773	64.861.437.412	69.900.367.693	5.041.925.054
Các loại thuế khác	556.967.169	1.388.492.903	1.249.976.554	418.450.820
<b>Cộng</b>	<b>559.961.942</b>	<b>67.146.361.315</b>	<b>72.046.775.247</b>	<b>5.460.375.874</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	26.699.980.007	640.201.891.037	665.589.602.566	1.312.268.478
Thuế nhập khẩu	355.436.176	23.533.274.650	23.533.274.650	355.436.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.525.401.173	7.018.118	8.531.639.256	780.035
Thuế thu nhập cá nhân	10.972.097.340	21.665.094.541	24.995.096.296	7.642.095.585
<b>Cộng</b>	<b>46.552.914.696</b>	<b>685.407.278.346</b>	<b>722.649.612.768</b>	<b>9.310.580.274</b>



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	930.620.252.050	764.385.523.271	113.896.000.073	16.350.136.296	1.825.251.911.690
Mua trong năm	-	107.833.576	-	-	107.833.576
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	302.714.867.108	83.732.705.973	34.089.236.805	1.823.221.873	422.360.031.759
Thanh lý	-	(5.138.176.119)	(389.188.800)	-	(5.527.364.919)
Số dư cuối năm	<u>1.233.335.119.158</u>	<u>843.087.886.701</u>	<u>147.596.048.078</u>	<u>18.173.358.169</u>	<u>2.242.192.412.106</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	236.313.208.925	451.562.114.988	53.622.600.429	11.625.529.058	753.123.453.400
Khấu hao trong năm	87.987.617.025	107.873.947.355	18.915.279.358	2.878.056.190	217.654.899.928
Thanh lý	-	(4.991.290.481)	(389.188.800)	-	(5.380.479.281)
Số dư cuối năm	<u>324.300.825.950</u>	<u>554.444.771.862</u>	<u>72.148.690.987</u>	<u>14.503.585.248</u>	<u>965.397.874.047</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày cuối năm	<u>909.034.293.208</u>	<u>288.643.114.839</u>	<u>75.447.357.091</u>	<u>3.669.772.921</u>	<u>1.276.794.538.059</u>
Tại ngày đầu năm	<u>694.307.043.125</u>	<u>312.823.408.283</u>	<u>60.273.399.644</u>	<u>4.724.607.238</u>	<u>1.072.128.458.290</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.002.790 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.590.595 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 394.134 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 299.291 triệu VND).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	39.574.856.946	153.400.000	9.643.238.198	49.371.495.144
Tăng trong năm	-	-	64.410.909	64.410.909
Số dư cuối năm	<u>39.574.856.946</u>	<u>153.400.000</u>	<u>9.707.649.107</u>	<u>49.435.906.053</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	3.026.335.198	94.710.897	3.287.011.216	6.408.057.311
Khấu hao trong năm	754.158.840	51.133.332	3.633.038.956	4.438.331.128
Số dư cuối năm	<u>3.780.494.038</u>	<u>145.844.229</u>	<u>6.920.050.172</u>	<u>10.846.388.439</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày cuối năm	<u>35.794.362.908</u>	<u>7.555.771</u>	<u>2.787.598.935</u>	<u>38.589.517.614</u>
Tại ngày đầu năm	<u>36.548.521.748</u>	<u>58.689.103</u>	<u>6.356.226.982</u>	<u>42.963.437.833</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoảng 30.738 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 30.378 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.



**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>215.146.899.641</b>	<b>174.458.928.250</b>
Tăng trong năm	408.426.928.994	314.958.843.614
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(422.360.031.759)	(263.008.514.023)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.501.022.223)
Giảm khác	(9.432.778.412)	(8.761.335.977)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>191.781.018.464</b>	<b>215.146.899.641</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	178.765.407.500	202.825.964.302
Dự án số 02 An Đà (i)	9.051.188.067	9.051.188.067
Các công trình khác	3.964.422.897	3.269.747.272
	<b>191.781.018.464</b>	<b>215.146.899.641</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 187.816 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 211.877 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

- (i) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 01 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	241.895.688.132	145.804.241.369
	<b>241.895.688.132</b>	<b>145.804.241.369</b>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	231.063.917.518	129.061.820.042
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	10.831.770.614	10.442.738.527
Khác	-	6.299.682.800,00
	<b>241.895.688.132</b>	<b>145.804.241.369</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 xem Thuyết minh số 1.

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP ("Công ty liên doanh") được thành lập theo Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa hai bên là Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP ("Công ty SMP") và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.



Ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn chủ sở hữu tại Công ty SMP với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại PPS ("Công ty PPS"), theo đó Công ty sẽ bán toàn bộ phần vốn Công ty đang nắm giữ tại Công ty SMP cho Công ty PPS với số tiền là 1.275.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch này chưa được thực hiện.

Trong năm, các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty liên doanh liên kết chủ yếu là hoạt động mua bán nguyên vật liệu, thành phẩm, chia lợi nhuận (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30).

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tổng tài sản	1.487.423.955.556	906.657.944.529
Tổng công nợ	648.761.610.579	540.156.115.838
Tài sản thuần	838.662.344.977	366.501.828.691
<b>Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>234.624.610.350</b>	<b>145.804.241.369</b>
	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Doanh thu thuần	1.323.128.914.513	975.470.319.303
Lợi nhuận sau thuế	94.087.629.682	77.245.945.934
<b>Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>102.118.143.981</b>	<b>7.616.268.824</b>

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (i)	46.784.068.600	-	-	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	150.000.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.648.000.000	(1.335.000.000)	1.500.000.000	(1.335.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>203.432.068.600</b>	<b>(1.335.000.000)</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(1.335.000.000)</b>

- (i) Tại ngày 21 tháng 9 năm 2017, Công ty đã thực hiện đầu tư mua 4.623.086 cổ phần với mệnh giá 10.100 VND/cổ phần của Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định), qua đó Công ty đã sở hữu 13,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định.
- (ii) Tại ngày 13 tháng 11 năm 2017, Công ty đã mua 10.000 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An tương đương 100.000.000.000 VND; và tại ngày 13 tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua 5.000 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (Hải Phòng) tương đương 50.000.000.000 VND. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản, có kỳ hạn 10 năm; Lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng với 1,2%/năm. Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời hạn 10 năm là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ).



**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u> <u>Giá trị/ Số có</u> <u>khả năng trả nợ</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u> <u>Giá trị/ Số có</u> <u>khả năng trả nợ</u>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	77.924.670.238	21.107.894.291
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hoa Tín	30.414.550.160	-
Ticon Overseas, Inc	25.328.721.600	-
Hyosung Coporation	16.329.139.200	5.883.706.800
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Phương Đông	12.589.539.600	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hương Cảng	9.896.302.750	7.220.076.200
Basell Asia Pacific Ltd	9.590.367.600	-
Mitsubishi Corporation	-	42.132.046.200
ITOCHU Corporation	-	31.850.627.385
Phải trả cho các đối tượng khác	86.376.348.703	38.490.848.872
<b>Cộng</b>	<b><u>268.449.639.851</u></b>	<b><u>146.685.199.748</u></b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	1.489.420.240	1.166.874.225
<b>Cộng</b>	<b><u>1.489.420.240</u></b>	<b><u>1.166.874.225</u></b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>269.939.060.091</u></b>	<b><u>147.852.073.973</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Chi phí phải trả nhà phân phối	84.257.737.332	85.174.635.803
Phải trả các nhà thầu	1.140.910.000	1.140.910.000
Chi phí vận chuyển	5.829.562.109	8.082.728.085
Lãi vay phải trả	3.533.706.204	3.919.870.764
Chi phí khác	18.743.517.851	7.136.705.003
	<b><u>113.505.433.496</u></b>	<b><u>105.454.849.655</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.207.475.500	10.784.475.500
Kinh phí công đoàn	1.131.058.775	1.017.554.848
Bảo hiểm	833.046.767	659.803.441
Các khoản phải trả khác	4.524.284.689	24.863.674.853
	<b><u>16.695.865.731</u></b>	<b><u>37.325.508.642</u></b>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	946.315.328.792	3.132.862.193.451	2.712.804.672.742	1.366.372.849.501
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	47.776.540.410	104.981.847.569	63.520.985.439	89.237.402.540
	<b>994.091.869.202</b>	<b>3.237.844.041.020</b>	<b>2.776.325.658.181</b>	<b>1.455.610.252.041</b>

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn sử dụng đồng Việt Nam với lãi suất vay là từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

Phân loại các khoản vay ngắn hạn theo hình thức bảo đảm vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản được đảm bảo bằng nguyên giá của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	635.052.037.976	479.977.852.629
Các khoản được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị ghi sổ của hàng tồn kho (i)	605.242.187.380	259.239.370.636
Các khoản vay không có tài sản đảm bảo	215.316.026.685	254.874.645.937
	<b>1.455.610.252.041</b>	<b>994.091.869.202</b>

(i) Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 19) được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.074.319 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.520.122 triệu VND) và giá trị các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 62.846 triệu VND.

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần	174.269.411.104	177.115.938.664	113.398.012.711	237.987.337.057
	<b>174.269.411.104</b>	<b>177.115.938.664</b>	<b>113.398.012.711</b>	<b>237.987.337.057</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vay dài hạn thể hiện các kế ước nhận nợ vay dài hạn với tổng số tiền 237.987.337.057 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 24 tháng 9 năm 2015 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động cộng 2%/năm tại thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và được trả vào ngày 01 hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 18).



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	89.237.402.540	47.776.540.410
Trong năm thứ hai	75.558.230.886	56.015.235.356
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	162.429.106.171	118.254.175.748
	<b>327.224.739.597</b>	<b>222.045.951.514</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - xem Thuyết minh số 18)	89.237.402.540	47.776.540.410
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>237.987.337.057</b>	<b>174.269.411.104</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>619.730.950.000</b>	<b>664.053.783.058</b>	<b>435.428.810.761</b>	<b>1.719.213.543.819</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	397.573.576.106	397.573.576.106
Tăng vốn	123.942.120.000	(123.942.120.000)	-	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	182.456.348.747	(182.456.348.747)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.658.319.072)	(13.658.319.072)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	-	(3.850.000.096)	(3.850.000.096)
Trả cổ tức	-	-	(266.483.698.000)	(266.483.698.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>743.673.070.000</b>	<b>722.568.011.805</b>	<b>366.554.020.952</b>	<b>1.832.795.102.757</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	492.535.287.809	492.535.287.809
Tăng vốn (i)	148.729.950.000	-	(148.729.950.000)	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	9.676.773.140	(9.676.773.140)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(26.331.264.027)	(26.331.264.027)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát (ii)	-	-	(5.405.649.905)	(5.405.649.905)
Trả cổ tức (iii)	-	-	(208.227.760.001)	(208.227.760.001)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>892.403.020.000</b>	<b>732.244.784.945</b>	<b>460.717.911.688</b>	<b>2.085.365.716.633</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 36/NQ-ĐHĐCĐTN-2017/NTP ngày 15 tháng 4 năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 148.729.950.000 VND, tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 14.872.995 cổ phiếu. Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 17 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi tương ứng ngày 23 tháng 6 năm 2017.
- (ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 36/NQ-ĐHĐCĐTN-2017/NTP ngày 15 tháng 4 năm 2017, cụ thể như sau: trích Quỹ đầu tư phát triển là 9.676.773.140 VND, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 26.331.264.027 VND, và trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 2.000.000.000 VND. Công ty đã chi tạm ứng thù lao năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 3.405.649.905 VND.
- (iii) Công ty trả cổ tức theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 36/NQ-ĐHĐCĐTN-2017/NTP ngày 15 tháng 4 năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 74.367.307.001 VND (10% vốn điều lệ). Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với số tiền là 133.860.453.000 VND (15% vốn điều lệ).

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
+ Cổ phiếu phổ thông	89.240.302	74.367.307
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
+ Cổ phiếu phổ thông	89.240.302	74.367.307

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	26.988	11.865

**22. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng hóa</b>		
Doanh thu bán sản phẩm	4.437.301.719.086	4.362.417.221.332
Doanh thu khác	6.352.647.731	3.125.597.002
	<b>4.443.654.366.817</b>	<b>4.365.542.818.334</b>
Giảm giá hàng bán	(13.522.817.199)	(11.379.763.317)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.430.131.549.618</b>	<b>4.354.163.055.017</b>
<b>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:</b>		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>	301.063.347.138	195.914.529.480
<i>Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP</i>	-	2.257.132.201
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>	960.703.110.883	905.345.844.335
	<b>1.261.766.458.021</b>	<b>1.103.517.506.016</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán sản phẩm	2.938.339.382.965	2.771.536.639.509
Giá vốn bán khác	12.925.143.352	12.677.425.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.258.130.509	-
	<b>2.957.522.656.826</b>	<b>2.784.214.064.693</b>



**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.693.095.946.748	2.704.468.275.524
Chi phí nhân công	283.855.052.665	321.758.567.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.093.231.056	204.079.917.231
Chi phí cho nhà phân phối	416.321.610.704	516.844.160.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.220.169.891	321.073.224.006
Chi phí khác bằng tiền	56.897.143.891	55.877.620.253
	<b><u>4.015.483.154.955</u></b>	<b><u>4.124.101.765.363</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	75.894.178.185	54.808.958.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá	760.916.579	918.275.119
	<b><u>76.655.094.764</u></b>	<b><u>55.727.234.061</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí vận chuyển	76.983.682.700	74.616.022.045
Chi phí chiết khấu, bồi khấu	566.806.885.007	593.147.816.721
Các khoản chi phí bán hàng khác	135.556.413.261	209.803.433.225
	<b><u>779.346.980.968</u></b>	<b><u>877.567.271.991</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	50.631.117.154	48.412.836.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.100.236.655	50.046.785.897
Chi phí khác bằng tiền	51.684.285.628	44.146.439.322
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.332.704.687	50.781.403.132
	<b><u>181.748.344.124</u></b>	<b><u>193.387.465.095</u></b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	64.450.029.482	49.762.725.006
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong</i>	<i>64.443.011.364</i>	<i>49.741.751.068</i>
<i>Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong</i>	<i>7.018.118</i>	<i>20.973.938</i>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>64.450.029.482</u></b>	<b><u>49.762.725.006</u></b>

Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung - công ty con của công ty - đang trong giai đoạn ưu đãi thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**28. BỘ PHẬN THEO LINH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con trong năm là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng và công nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	492.535.287.809	397.573.576.106
Trừ: Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(26.331.264.027)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.240.302	89.240.302
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>5.519</b>	<b>4.160</b>

**Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	<u>Số cổ phiếu bình quân gia quyền</u>	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>VND</u>
<b>Theo báo cáo tài chính năm 2016</b>	<b>74.367.307</b>	<b>5.346</b>
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 17 tháng 6 năm 2017 và phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016	14.872.995	(1.186)
<b>Số đã điều chỉnh lại</b>	<b>89.240.302</b>	<b>4.160</b>

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	Công ty liên quan khác



Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	301.063.347.138	195.914.529.480
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	-	2.257.132.201
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	960.703.110.883	905.345.844.335
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	373.789.161.597	192.228.148.045
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	28.243.920.029	10.915.966.390

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	362.096.709.434	326.248.971.780
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	137.581.432.221	120.854.956.925
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	15.461.572.866	15.461.572.866
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	1.489.420.240	1.166.874.225

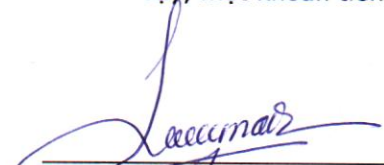
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	22.390.956.956	22.901.026.517


**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 13.786.207.500 VND (năm 2016 là 3.700.738.091 VND), liên quan đến các khoản mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

  
**Lưu Thị Mai**  
 Người lập biểu

  
**Trần Ngọc Bảo**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Quốc Trường**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018